CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 302/CLM-TCHC V/v: Công bố thông tin	*Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin

- Mã chứng khoán: CLM
- Trụ sở chính: Số 47 Quang Trung - Hoàn Kiếm - Hà Nội
- Điện thoại: 024. 39 424 634 Fax: 024. 39 422 350
- Email: coalimex@fpt.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Mức chi cổ tức năm 2021: 20%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận 2.000 đồng) và hình thức chi trả cổ tức bằng tiền.
- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền trả cổ tức năm 2021 bằng tiền.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/4/2022: www.coalimex.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/cáo);
- KTNB;
- Lưu: VT, TCHC, Tký Cty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hải

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN- VINACOMIN
Ký ngày: 28/4/2022 09:08:59

CÔNG TY CP XNK THAN - VINACOMIN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/BB-ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2022*

BIÊN BẢN
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 (NĂM TÀI CHÍNH 2021) CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN – VINACOMIN

Tên doanh nghiệp:	Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin.
Địa chỉ:	47 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
Đăng ký kinh doanh:	Số 0100100304 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 12/01/2021 (đăng ký thay đổi lần thứ 16).
Thời gian họp:	Bắt đầu hồi 9h00 ngày 27/4/2022; Kết thúc hồi 11h30 ngày 27/4/2022;
Địa điểm họp:	Hội trường Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin, địa chỉ: 47 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
Chủ tọa cuộc họp:	Ông Nguyễn Trọng Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Ông Nguyễn Thanh Hải – Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty (tham gia chủ tọa);
Thư ký cuộc họp:	Bà Phạm Mai Lan – Thư ký công ty;
Khách mời cuộc họp:	Ông Nguyễn Hoàng Hà - Phó Giám đốc Công ty TNHH PKF Việt Nam; Các Ông, Bà trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.
Tổng số cổ đông:	155 cổ đông, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 (năm tài chính 2021).
Vốn điều lệ:	110 tỷ đồng
Số lượng cổ phần:	11 triệu cổ phần
Số cổ đông dự họp:	35 cổ đông dự họp, đại diện cho 10.377.350 cổ phần bằng 94,34 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Danh sách cổ đông dự họp có Phụ lục kèm theo.

DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

I . Thủ tục khai mạc cuộc họp:

- Ban thẩm tra tư cách cổ đông được thành lập theo Quyết định số 68/QĐ-CLM ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Công ty v/v cử thành viên tham gia Ban thẩm tra tư cách cổ đông đã kiểm tra tính hợp lệ, sự có mặt của cổ đông tham dự cuộc họp.

- Ông Phạm Minh – UV HĐQT tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự và giới thiệu chủ tọa cuộc họp là Ông Nguyễn Trọng Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và đồng chủ tọa là Ông Nguyễn Thanh Hải – Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

- Bà Phạm Mai Lan được cổ đông thông qua làm Thư ký cuộc họp.

- Ông Nguyễn Trọng Hùng, Chủ tọa cuộc họp thông qua Dự thảo Quy chế tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và công bố chương trình nghị. Cuộc họp thống nhất Dự thảo Quy chế tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và chương trình nghị sự của cuộc họp.

- Bà Lê Thị Thu Trang – Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.

II. Các báo cáo trình bày tại cuộc họp:

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Ngân - Trưởng phòng Kế toán – Tài chính trình bày Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2021; Báo cáo về thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022.

- Ông Nguyễn Thanh Hải – Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của Giám đốc Công ty về thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Ông Nguyễn Mạnh Điệp – Ủy viên HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị về đánh giá các mặt hoạt động của Công ty năm 2021, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2022, đề nghị của HĐQT trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát và Báo cáo Thẩm định báo cáo tài chính 2021; Đề nghị đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;

III. Các phát biểu tại cuộc họp:

- Có 03 cổ đông tham gia phát biểu và đóng góp ý kiến.

IV. Những nội dung biểu quyết thông qua

1. Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.377.350 phiếu (35 cổ đông; 94,34%) trong đó:

Tán thành: 10.377.350 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

2. Thông qua mức cổ tức năm 2021 là 20 % vốn điều lệ của Công ty. Hình thức chi trả cổ tức bằng tiền.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.377.350 phiếu (35 cổ đông; 94,34%) trong đó:

Tán thành: 10.377.350 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

3. Thông qua việc phê duyệt thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm tài chính 2021 và đề xuất kế hoạch thù lao năm tài chính 2022 như Tờ trình số 09/TTr- HĐQT ngày 30/3/2022 của HĐQT tại cuộc họp.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.377.350 phiếu (35 cổ đông; 94,34%) trong đó:

Tán thành: 10.377.350 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

4. Thông qua điều chỉnh kế hoạch năm 2021 và kế hoạch sản xuất năm 2022 của Công ty như Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty trình bầy tại cuộc họp.

Nếu tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 có thay đổi theo biến động của thị trường, ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo với ĐHĐCĐ vào kỳ họp tiếp theo.

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.377.350 phiếu (35 cổ đông; 94,34%) trong đó:

Tán thành: 10.377.350 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

5. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo Tài chính Công ty năm 2022 và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị này để kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty:

- Công ty TNHH PKF Việt Nam,
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán Quốc tế (AASC),
- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (AVA).

Tổng số phiếu biểu quyết: 10.377.350 phiếu (35 cổ đông; 94,34%) trong đó:

Tán thành: 10.377.350 phiếu, chiếm 100% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp,

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết dự họp.

6. Thông qua chủ trương ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được ký kết giữa Công ty với Tập đoàn CN Than KS Việt Nam (là cổ đông sở hữu 55,41% vốn điều lệ của Công ty).

Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 4.282.002 phiếu (34 cổ đông, 100 %) trong đó:

Tán thành: 4.282.002 phiếu, chiếm 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua,

Không tán thành: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua

Không có ý kiến: 0 phiếu, chiếm 0% số phiếu biểu quyết thông qua.

V. Thủ tục bế mạc cuộc họp

- Thư ký cuộc họp đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết để cuộc họp thông qua.
- Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết ngay tại cuộc họp.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	CHỦ TỌA CUỘC HỌP
Phạm Mai Lan	**Nguyễn Trọng Hùng**

CÔNG TY CP XNK THAN - VINACOMIN

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY NĂM 2022

Số tt	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng Hùng	6.095.348	55,41%	
2	Nguyễn Thanh Hải	459.610	4,18%	
3	Nguyễn Thị Lan Anh	4.242	0,04%	
4	Nguyễn Mạnh Điệp	26.621	0,24%	
5	Phạm Minh	50.385	0,46%	
6	Nguyễn Văn Cứ	700.160	6,37%	
7	Lê Thị Thu Trang	370.458	3,37%	
8	Bùi Thị Minh Thư	203.387	1,85%	
9	Đỗ Quyết Tiến	20.404	0,19%	
10	Đỗ Thu Hồng	114.343	1,04%	
11	Hoàng Đức Phương	99.491	0,90%	
12	Đậu Tuấn Anh	64.244	0,58%	
13	Nguyễn Thanh Nga	89.821	0,82%	
14	Nguyễn Thị Kim Oanh	21.104	0,19%	
15	Đào Xuân Việt	115.731	1,05%	
16	Nguyễn Thanh Hương	656.412	5,97%	
17	Ngô Văn Ca	70.970	0,65%	
18	Nguyễn Anh Tuấn	127.735	1,16%	
19	Cao Văn Hồng	28.495	0,26%	
20	Ninh Xuân Sơn	78.861	0,72%	
21	Nguyễn Hoàng Tiến	26.105	0,24%	
22	Nguyễn Anh Dũng	49.586	0,45%	
23	Nguyễn Phương Thảo	59.744	0,54%	
24	Lê Thị Xuân Lai	38.735	0,35%	
25	Lưu Hoàng Hải	91.143	0,83%	
26	Phạm Hồng Khanh	393.144	3,57%	
27	Phạm Minh Châu	51.655	0,47%	
28	Phạm Thị Thảo	43.015	0,39%	
29	Tô Hồng Sơn	15.700	0,14%	
30	Trần Xuân Hòa	59.744	0,54%	
31	Trịnh Nam Hải	56.148	0,51%	
32	Đỗ Duy Long	52.573	0,48%	
33	Trương Văn Lực	1	0,00%	
34	Trần Thị Huệ	24.312	0,22%	
35	Nguyễn An Sơn	17.923	0,16%	
35	**Tổng cộng:**	**10.377.350**	**94,34%**	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ	*Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 (NĂM TÀI CHÍNH 2021)
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN – VINACOMIN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin;

- Căn cứ Biên bản số 01/BB-ĐHĐCĐ của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Cuộc họp đã thảo luận thông qua và quyết nghị:

1. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2021 được trình bày tại cuộc họp. Nội dung báo cáo kèm theo Nghị quyết.

2. Thông qua mức cổ tức thanh toán cho các cổ đông năm 2021 là 20% trên vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021. Hình thức chi trả bằng tiền.

3. Thông qua việc chi trả thù lao các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát năm tài chính 2021 và đề xuất kế hoạch thù lao năm tài chính 2022 như Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 30/3/2022 của Hội đồng quản trị. Nội dung Tờ trình kèm theo Nghị quyết.

4.Thông qua điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Nếu tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 có thay đổi theo biến động của thị trường, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo với cuộc họp ĐHĐCĐ vào kỳ họp tiếp theo.

5. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo Tài chính Công ty năm 2022 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị này để kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty:

- Công ty TNHH PKF Việt Nam,
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán Quốc tế (AASC),
- Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (AVA).

6. Thông qua chủ trương ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được ký kết giữa Công ty với Tập đoàn CN Than KS Việt Nam (là cổ đông sở hữu 55,41% vốn điều lệ của Công ty).

Nghị quyết này đã được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần XNK Than – Vinacomin thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 27 tháng 4 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Các cổ đông;
- UB CKNN;
- Sở giao dịch chứng khoán HN (HNX);
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu TKCT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN-VINACOMIN COALIMEX

Nguyễn Trọng Hùng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021 TÓM TẮT

1	**Tên doanh nghiệp**	CÔNG TY CP XNK THAN - VINACOMIN
2	**Giấy đăng ký doanh nghiệp**	Số 0100100304, thay đổi lần thứ 16 ngày 12/01/2021
3	**Ngành nghề kinh doanh**	Kinh doanh xuất nhập khẩu; Chế biến than; Cung ứng vật tư; Xuất khẩu lao động; kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê…
4	**Địa chỉ, điện thoại, fax**	47 Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội Điện thoại: 024 3 9423166 Fax: 024 3 9422350
5	**Vốn điều lệ**	110.000,00 Tr.đồng
	Trong đó: Vốn Nhà nước	60.953,48 Tr.đồng
	Vốn các cổ đông khác	49.046,52 Tr.đồng

Phần I: Kết quả kinh doanh năm 2021

STT	*Chỉ tiêu*	ĐVT	Kế hoạch 2021 (điều chỉnh)	Thực hiện 2021	Tỷ lệ TH/KH
1	Xuất nhập khẩu than				
	- Xuất khẩu than	*Tấn*	*300.000*	*354.089*	*118%*
	- Nhập khẩu than	*Tấn*	*163.000*	*163.142*	*100%*
2	Tổng kim ngạch XNK hàng hóa	USD	119.000.000	68.997.769	58%
	- Xuất khẩu than	*USD*	*36.000.000*	*43.927.128*	*122%*
	- Xuất khẩu khác	*USD*	-	*5.969.445*	
	- Nhập khẩu than	*USD*	*75.000.000*	*10.165.231*	*14%*
	- Nhập khẩu VTTB	*USD*	*8.000.000*	*8.935.965*	*112%*
3	Tổng doanh thu	Tr.VND	2.500.000	2.705.866	108%
4	Giá trị sản xuất tính lương	Tr.VND	119.300	143.160	120%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.VND	30.000	40.116	134%
6	Tổng quỹ lương	Tr.VND	30.891	36.471	118%
	- Theo đơn giá	*Tr.VND*	*29.123*	*34.349*	*118%*
	- Quỹ lương cán bộ quản lý	*Tr.VND*	*1.768*	*2.122*	*120%*
7	Tiền lương bình quân	ngh.đồng/ng/tháng	15.601	18.532	119%
8	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	Tối thiểu 9%	20% (dự kiến)	

Ghi chú: *Kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT ngày 30/12/2021 và Quyết định số 158/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2021 của Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Than - Vinacomin.*

Phần II: Số liệu báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2021

Đơn vị: đồng

STT	Diễn giải	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2021)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2021)
I	**Tài sản ngắn hạn**	**100-BCĐKT**	**700.665.365.344**	**1.113.279.381.617**
1	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110- BCĐKT**	**25.288.857.562**	**24.960.095.630**
2	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120- BCĐKT**	-	-
3	**Các khoản phải thu**	**130- BCĐKT**	**471.539.133.375**	**746.017.008.289**
	- Phải thu của khách hàng	131-BCĐKT	430.670.883.764	737.598.299.522
	- Trả trước cho người bán	132-BCĐKT	8.860.654.179	10.749.462.937
	- Phải thu nội bộ	133-BCĐKT	-	-
	- Các khoản phải thu khác	136-BCĐKT	35.596.766.952	1.311.857.000
	- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	137-BCĐKT	(3.589.171.520)	(3.642.611.170)
	- Tài sản thiếu chờ xử lý	139-BCĐKT	-	-
4	**Hàng tồn kho**	**140- BCĐKT**	**196.226.310.119**	**341.830.619.199**
	- Hàng tồn kho	141- BCĐKT	197.797.531.916	341.830.619.199
	- Dự phòng Giảm giá hàng tồn kho	*149-BCĐKT*	*(1.571.221.797)*	-
5	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150- BCĐKT**	**7.611.064.288**	**471.658.499**
	- Chi phí trả trước ngắn hạn	151-BCĐKT	3.935.156.421	251.527.420
	- Thuế GTGT được khấu trừ	152-BCĐKT	3.565.049.875	204.181.657
	- Các khoản Thuế phải thu	153-BCĐKT	110.857.992	15.949.422
	- Tài sản ngắn hạn khác	158-BCĐKT	-	-
II	**Tài sản dài hạn**	**200- BCĐKT**	**86.682.879.422**	**91.924.880.090**
1	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210- BCĐKT**	**2.849.471.000**	**4.374.525.359**
2	**Tài sản cố định**	**220- BCĐKT**	**145.213.259**	**371.531.849**
	- Tài sản cố định hữu hình (GTCL)	221- BCĐKT	145.213.259	371.531.849
	+ Nguyên giá	222- BCĐKT	15.988.081.771	16.235.744.217
	+ Giá trị khấu hao lũy kế	223- BCĐKT	(15.842.868.512)	(15.864.212.368)
3	**Bất động sản đầu tư**	**230- BCĐKT**	**80.675.343.290**	**86.646.290.466**
	+ Nguyên giá	231- BCĐKT	134.772.018.652	134.772.018.652
	+ Giá trị khấu hao lũy kế	232- BCĐKT	(54.096.675.362)	(48.125.728.186)
4	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240-BCĐKT**	-	-
5	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250- BCĐKT**	-	-
6	**Tài sản dài hạn khác**	**260- BCĐKT**	**3.012.851.873**	**532.532.416**
*	**Giá trị thực tế của doanh nghiệp (I+II)**	**270-BCĐKT**	**787.348.244.766**	**1.205.204.261.707**

STT	Diễn giải	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2021)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2021)
III	**Nợ phải trả**	**300- BCĐKT**	**592.448.022.204**	**1.011.722.799.066**
1	**Nợ ngắn hạn**	**310-BCĐKT**	**588.775.237.447**	**1.008.104.197.189**
-	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311-BCĐKT	243.006.859.020	269.480.320.971
-	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312-BCĐKT	45.430.193.470	78.898.438.862
-	Thuế và các khoản phải nộp NN	313-BCĐKT	1.681.848.129	6.722.465.850
-	Phải trả người lao động	314-BCĐKT	8.819.190.119	4.916.204.314
-	Chi phí phải trả ngắn hạn	315-BCĐKT	2.601.709.257	7.614.926.698
-	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316-BCĐKT	-	-
-	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318-BCĐKT	1.441.236.361	2.647.529.097
-	Các khoản phải trả phải nộp khác	319-BCĐKT	51.695.734.243	247.052.358.056
-	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320-BCĐKT	222.281.718.952	376.501.617.567
-	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321-BCĐKT	10.039.671.820	12.601.571.698
-	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322-BCĐKT	1.777.076.076	1.668.764.076
2	**Nợ dài hạn**	**330- BCĐKT**	**3.672.784.757**	**3.618.601.877**
-	Phải trả dài hạn khác	337-BCĐKT	3.672.784.757	3.618.601.877
-	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338-BCĐKT	-	-
IV	**Vốn chủ sở hữu**	**400- BCĐKT**	**194.900.222.562**	**193.481.462.641**
1	**Vốn chủ sở hữu**	**410- BCĐKT**	**194.900.222.562**	**193.481.462.641**
	- Trong đó: Vốn đầu tư cổ đông	411- BCĐKT	110.000.000.000	110.000.000.000
	Thặng dư vốn cổ phần	412- BCĐKT	4.122.208.000	4.122.208.000
	Vốn khác của chủ sở hữu	414- BCĐKT	6.487.530.434	6.487.530.434
	Quỹ đầu tư phát triển	418-BCĐKT	32.375.724.207	24.448.588.014
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421-BCĐKT	41.914.759.921	48.423.136.193
2	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430- BCĐKT**	-	-

Tổng nợ phải thu: 474.388.604.375 đồng

Tổng nợ phải trả: 592.448.022.204 đồng

Phần III: Cơ cấu tài sản - Cơ cấu vốn - Chỉ tiêu tài chính

STT	Nội dung	Cuối năm (31/12/2021)	Đầu năm (01/01/2021)
I	**Cơ cấu tài sản**		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	11,01%	7,63%
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	88,99%	92,37%
II	**Cơ cấu vốn**		
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	24,75%	16,05%
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	75,25%	83,95%
III	**Đánh giá năng lực tài chính**		
	Khả năng thanh toán tạm thời = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,19 lần	1,1 lần
	Khả năng thanh toán dài hạn =Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	1,33 lần	1,19 lần
IV	**Tỷ suất sinh lời**		
	Tỷ suất LN sau thuế/ Tổng doanh thu	1,05%	0,61%
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	3,60%	3,84%
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	14,53%	23,92%

Phần IV: Phương án Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
I	**Dự kiến phân phối lợi nhuận:**		
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2021	đồng	40.115.696.238
2	Thuế TNDN phải nộp năm 2021	đồng	11.805.936.317
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2021	đồng	28.309.759.921
4	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	đồng	13.605.000.000
5	Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	đồng	41.914.759.921
6	Trả cổ tức (dự kiến 20% vốn điều lệ)	đồng	22.000.000.000
7	Trích lập các quỹ:		
	- Trích Quỹ đầu tư phát triển (8,37% Lợi nhuận sau thuế 2021)	đồng	2.370.000.000
	- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (1,5 tháng lương bình quân)	đồng	4.559.000.000
	- Trích Quỹ thưởng ban quản lý điều hành (1,5 tháng lương VCQL)	đồng	265.000.000
8	Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay	đồng	12.720.759.921
II	**Phương án trả cổ tức**		
	Số tiền trả cổ tức	đồng	22.000.000.000
	Trong đó:		
	- Trả cổ tức bằng tiền (tỷ lệ 20% vốn điều lệ)	đồng	22.000.000.000
	- Trả cổ tức bằng hình thức khác	đồng	-

Trưởng Phòng Kế toán tài chính

Nguyễn Thị Quỳnh Ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 09 /TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022*

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm tài chính 2021 và đề xuất kế hoạch thù lao năm tài chính 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 phê duyệt việc chi trả thù lao đối với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS), người quản lý chuyên trách khác của Công ty năm tài chính 2021 và đề xuất thù lao năm tài chính 2022, cụ thể như sau:

1. Thực hiện năm 2021:

1.1. Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:

Stt	Chức danh kiêm nhiệm	Số người	Kế hoạch (Triệu đồng/năm)	Thực hiện (Triệu đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	61,68	61,68
2	Ủy viên HĐQT	04	210,24	210,24
3	Ủy viên BKS	02	105,12	105,12
	Tổng cộng	**07**	**377,04**	**377,04**

1.2. Tiền lương của Người quản lý chuyên trách:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Kế hoạch bình quân (Triệu đồng/tháng)	Thực hiện bình quân (Triệu đồng/tháng)	Tổng cộng tiền lương (Triệu đồng/năm)
1	Nguyễn Thanh Hải	Giám đốc	32,08	38,5	462,0
2	Nguyễn Thị Lan Anh	TBKS	29,75	35,7	428,5
3	Phạm Minh	Phó giám đốc	28,50	34,2	410,5
4	Nguyễn Thùy Dương	Phó giám đốc	28,50	34,2	410,5
5	Lê Thị Thu Trang	Phó giám đốc	28,50	34,2	410,5
	Tổng cộng				**2.122,0**

2. Kế hoạch năm 2022:

2.1. Kế hoạch mức chi thù lao kiêm nhiệm của thành viên HĐQT và BKS không chuyên trách:

Stt	Chức danh kiêm nhiệm	Tiền lương tháng (Triệu đồng/tháng)	Số người	Tỷ lệ chi tối đa	Thù lao tháng (Triệu đồng/tháng)	Kế hoạch (Triệu đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	25,70	01	20%	5,14	61,68
2	Ủy viên HĐQT	21,90	04	20%	17,52	210,24
3	Ủy viên BKS	21,90	02	20%	8,76	105,12
	Tổng cộng		**07**		**31,42**	**377,04**

Mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng đối với thành viên không chuyên trách HĐQT, BKS được tính theo công việc, được trả tối đa bằng 20% mức tiền lương của chức danh chuyên trách tương đương.

Phương thức chi: Hàng tháng tạm ứng 80% mức thù lao được chi, số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

(Ghi chú: Mức tiền lương hàng tháng của Người quản lý chuyên trách vận dụng theo Phụ lục 04-Doanh nghiệp hạng I nhóm II, ban hành kèm theo Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 về hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV).

2.2. Tiền lương của Người quản lý chuyên trách:

Stt	Chức danh	Số người	Kế hoạch bình quân (Triệu đồng/ người/tháng)	Tổng quỹ tiền lương (Triệu đồng/năm)
1	Giám đốc	1	37,08	445,0
2	Trưởng ban kiểm soát	1	34,34	412,1
3	Phó giám đốc	3	32,86	1.182,9
	Tổng cộng	**5**		**2.040,0**

Quỹ tiền lương của Người quản lý chuyên trách tính theo số lượng người và thời gian làm việc thực tế trong năm.

Trong trường hợp có sự thay đổi về số lượng Người quản lý chuyên trách và các quy định liên quan đến chế độ tiền lương, phụ cấp trách nhiệm đối với Người quản lý của Công ty thì ĐHĐCĐ sẽ ủy quyền HĐQT quyết định và báo cáo lại ĐHĐCĐ thường niên kỳ họp sau.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, TKCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Hùng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN-KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THAN-
VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà nội, ngày tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY

TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Phần I : KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2021

I. THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2021 (điều chỉnh)	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ TH/KH
1.	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.500.000	2.705.866	108%
2.	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	119.300	143.160	120%
3.	Lợi nhuận	Tr.đồng	30.000	40.116	134%
4.	Thu nhập tiền lương b/q	ng.đ/ng/th	15.601	18.532	119%
5.	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	Tối thiểu 9%	20% (dự kiến)	

II. ĐÁNH GIÁ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Tình hình chung

Một số những khó khăn chủ yếu trong năm 2021 như sau:

- Dịch Covid-19 đã tác động đến sản xuất kinh doanh của Công ty trên mọi lĩnh vực đặc biệt là cho thuê văn phòng, xuất khẩu lao động.

- Đầu năm 2021, do lượng than tồn kho tại TKV khá cao nên TKV chủ trương chưa nhập khẩu than phục vụ công tác pha trộn. Trong năm, giá than trên thế giới và chi phí vận chuyển liên tục biến động tăng cao khiến cho công tác nhập khẩu than phục vụ công tác pha trộn trong nước gặp khó khăn.

Xác định được những khó khăn của TKV nói chung và Công ty nói riêng, Công ty đã nhanh chóng đưa ra những giải pháp trong kinh doanh như đẩy mạnh công tác kinh doanh than nội địa, mở ra hướng đi mới như xuất khẩu phôi thép, đấu thầu quốc tế cung

cấp than nội địa. Công ty cũng đưa ra những giải pháp để tiết kiệm và quản trị chi phí hợp lý; Kịp thời nắm bắt và áp dụng một số chính sách của nhà nước về thuế như giảm thuế, giãn thuế, giảm thuế đất, tận dụng những ưu đãi về lãi suất của các ngân hàng thương mại.

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2021 như sau:

- Khả năng thanh toán tạm thời (TSNH/nợ ngắn hạn): 1,19 lần
- Khả năng thanh toán dài hạn (Tổng tài sản/tổng nợ phải trả): 1,33 lần
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu: 3,04 lần

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT ngày 30/12/2021 và Quyết định số 158/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2021 điều chỉnh kế hoạch tổng doanh thu của Công ty giảm còn 2.500 tỷ đồng; sản lượng than nhập khẩu giảm còn 163 nghìn tấn; sản lượng than pha trộn giảm còn 300 nghìn tấn.

Với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo, tập thể người lao động Công ty, sự quan tâm chỉ đạo của Tập đoàn TKV và sự hợp tác của các bạn hàng trong và ngoài nước, năm 2021, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch, thu nhập của người lao động được đảm bảo.

2. Tình hình các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty

2.1 - Xuất - nhập khẩu, pha trộn – chế biến, kinh doanh, giao nhận than:

Than xuất khẩu: Năm 2021, ngoài các thị trường xuất khẩu than truyền thống như Hàn Quốc, Thái Lan, Indonesia, Đài Loan, Công ty đã mở rộng được một số thị trường mới là Úc và Ấn Độ. Sản lượng than xuất khẩu đạt 354 nghìn tấn, hoàn thành 118% kế hoạch năm. Kim ngạch xuất khẩu đạt xấp xỉ 44 triệu đô la Mỹ.

Than nhập khẩu: Do một số những lý do như vào đầu năm 2021 lượng than tồn kho còn cao, từ giữa năm trở đi giá than trên thế giới liên tục biến động và tăng cao nên TKV không có kế hoạch nhập khẩu than để phục vụ công tác chế biến, pha trộn cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện. Trong năm 2021 Công ty chỉ thực hiện 02 hợp đồng nhập khẩu than với số lượng 163 nghìn tấn cho đơn vị ngoài ngành.

Than pha trộn: Trong năm 2021, công tác pha trộn than để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện gặp một số khó khăn nhất định như dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên cả nước khiến một số địa phương phải thực hiện giãn cách, ảnh hưởng đến công tác sản xuất và giao than. Thêm vào đó, nhiệt điện Duyên Hải nhiều lần có công văn tạm dừng nhận than của TKV từ các kho trung chuyển trong đó có Coalimex. Sản lượng than pha trộn năm 2021 đạt 314 nghìn tấn, hoàn thành kế hoạch năm 2021.

Than kinh doanh nội địa: Do nhận định chưa thể thực hiện công tác nhập khẩu than nên ngay từ đầu năm, Ban giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban tích cực tìm kiếm thêm các lĩnh vực kinh doanh khác và tập trung đẩy mạnh công tác kinh doanh than nội địa để bù đắp một phần doanh thu do không thể thực hiện công tác nhập khẩu than theo đúng kế hoạch. Sản lượng kinh doanh than nội địa năm 2021 đạt gần 450 nghìn tấn, hoàn thành tốt kế hoạch được giao.

Công tác giao nhận than: Công ty thực hiện tốt công tác giao nhận than cho nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 1 và một phần Vĩnh Tân 2, sản lượng than giao nhận đạt 4,2 triệu tấn tương đương 94% kế hoạch năm.

2.2 - Nhập khẩu- kinh doanh cung ứng thiết bị-vật tư:

Dịch Covid -19 diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng, lắp đặt, chi phí vận chuyển tăng cao, thêm vào đó là sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng làm thương mại, kế hoạch đầu tư, mua sắm tại các đơn vị trong ngành giảm. Năm 2021, doanh thu kinh doanh VTTB đạt 734 tỷ đồng, kim ngạch nhập khẩu đạt gần 8,94 triệu USD, cơ bản hoàn thành kế hoạch năm.

2.3- Xuất khẩu lao động:

Thị trường Nhật Bản – thị trường nhận lao động chính của Công ty - tạm dừng nhận lao động nước ngoài từ tháng 02/2021 do dịch Covid-19. Vì vậy số lượng lao động xuất cảnh năm 2021 chỉ đạt 81 lao động. Trong thời gian thị trường tạm dừng hoạt động, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện công tác quản lý người lao động đang làm việc tại nước ngoài và các công tác chuẩn bị khác để không bị động khi thị trường mở cửa lại.

2.4- Kinh doanh cho thuê văn phòng:

Năm 2021 công tác kinh doanh cho thuê văn phòng tiếp tục là lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ dịch Covid-19. Trong suốt thời gian diễn ra dịch bệnh, Công ty luôn chỉ đạo Ban quản lý Tòa nhà phải thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn theo đúng quy định, đồng thời cũng đồng hành cùng Ban quản lý đưa ra những phương án hỗ trợ khách thuê khắc phục khó khăn, duy trì hoạt động. Đến hết 31/12, tỷ lệ cho thuê văn phòng tại 33 Tràng Thi đạt 80,1% và tại 29-31 Đinh Bộ Lĩnh đạt 89,70% diện tích cho thuê. Công tác bảo dưỡng duy tu tòa nhà , công tác an ninh, PCCC và chăm sóc khách hàng thực hiện đúng định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ, giữ vững và tăng số lượng khách hàng thuê.

2.5 Công tác kinh doanh khác

Công ty đã tích cực tìm ra những hướng đi mới nhằm bù đắp phần doanh thu thiếu hụt do công tác nhập khẩu than của TKV cung cấp cho công tác chế biến pha trộn chưa được triển khai theo kế hoạch, Công ty đã thực hiện xuất khẩu hơn 10.000 tấn phôi thép cho đối tác Trung Quốc, kim ngạch xuất khẩu đạt giá trị 5,7 triệu USD.

2.6- Công tác quản lý và các hoạt động khác:

Trong năm 2021, Công ty đã ban hành một số Quyết định, Quy chế và Quy định như: Quyết định giao khoán kế hoạch 2021 cho các đơn vị kinh doanh trong Công ty, các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2021; Quy chế kiểm toán nội bộ; Quy chế huy động vốn, sử dụng vốn và các sản phẩm tài chính Công ty CP XNK Than - Vinacomin; Quy chế công bố thông tin của Công ty; Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ; Ban hành Kế hoạch phòng chống dịch Covid-19 và các phương án xử lý khi có trường hợp mắc Covid-19 tại Công ty.

Công ty đã hoàn thành Báo cáo quyết toán năm 2021 sau kiểm toán và công bố thông tin trên website của Công ty theo quy định của Ủy Ban chứng khoán; Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Tổ chức tiêm vắc xin phòng chống covid-19 cho toàn thể CBCNV, chăm lo đến đời sống và sức khỏe của CBCNV trong suốt thời gian dịch Covid-19 diễn biến phức tạp.

Tổ chức lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu qua mạng, đấu thầu cơ bản và đấu thầu nâng cao tại Công ty; tổ chức huấn luyện ATLĐ-VSLĐ cho cán bộ CNV trong Công ty; cử cán bộ tham gia các lớp học đào tạo do TKV tổ chức.

* Bên cạnh những khó khăn, thuận lợi, cùng với sự nỗ lực, chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo Công ty và sự quan tâm hỗ trợ của Tập đoàn, sự chia sẻ của bạn hàng trong và ngoài nước, năm 2021 Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu chính trong kế hoạch phối hợp kinh doanh đã ký với TKV: Giá trị sản xuất đạt 143 tỷ đồng hoàn thành 120% kế hoạch, lợi nhuận đạt 40 tỷ tương đương 134% kế hoạch, thu nhập bình quân của người lao động được đảm bảo.

PHẦN II: KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

1. Những khó khăn chính:

Với mục tiêu chung của Chính phủ và Tập đoàn TKV trong năm 2022 là: Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, tập trung tận dụng tốt cơ hội để

thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua, lao động sản xuất, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu SXKD, Công ty Coalimex đã đánh giá tình hình thực tế để nhìn nhận những khó khăn sẽ gặp phải trong kinh doanh và từ đó đưa ra những biện pháp tháo gỡ, cụ thể như sau:

- Giá than nhập khẩu biến động khó lường và vẫn ở mức cao nên ảnh hưởng tới công tác nhập khẩu và pha trộn than.

- Công tác pha trộn than, giao nhận than không chỉ phụ thuộc vào nguồn than, kế hoạch lấy than của khách hàng mà còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, thiên tai, biến đổi khí hậu...

- Công tác kinh doanh thiết bị-vật tư gặp nhiều khó khăn không chỉ do cạnh tranh giữa các đơn vị cùng làm thương mại mà còn do những quy định bất lợi trong luật đấu thầu.

- Đáp ứng nhu cầu than nhập khẩu pha trộn trong nước, Công ty đề ra mục tiêu đẩy mạnh nhập khẩu than trong quý II, tuy nhiên do giá than thế giới ở mức cao, giá trị mỗi tàu than nhập rất lớn nên Công ty gặp khó khăn về việc thu xếp vốn để nhập khẩu than.

- Tình hình chiến sự giữa Nga và Ukraina diễn biến khó lường gây ảnh hưởng đến giao dịch và thanh toán quốc tế.

2. Những thuận lợi chính:

- Công ty được Tập đoàn tin tưởng giao nhiệm vụ nhập khẩu 1,5 triệu tấn than để cung cấp cho các đơn vị liên kết với TKV, các địa bàn đã được TKV phân công.

- Công tác kinh doanh than nội địa được duy trì và phát triển.

- Công ty tiếp tục thực hiện giao nhận than cho nhà máy nhiệt điện theo phân công của TKV.

- Mở rộng loại than pha trộn để giao vào điện, tăng sản lượng thực hiện than pha trộn năm, thực hiện công tác tuyển rửa nâng cấp than bán tự doanh.

- Thị trường Nhật Bản – thị trường nhận lao động chính của Công ty đã mở cửa trở lại từ ngày 01/03/2022.

- Công ty có quan hệ tốt với các bạn hàng; có uy tín đối với các ngân hàng và các tổ chức tài chính trong việc thu xếp vốn.

- Công ty được đánh giá là một công ty có thế mạnh về kinh doanh xuất nhập khẩu, có đội ngũ lao động nhiệt tình năng động, được đào tạo bài bản, có chuyên môn nghiệp vụ vững, có nhiều kinh nghiệm, sự nỗ lực và tinh thần đoàn kết là nhân tố quan trọng tạo nên thắng lợi.

Một số các chỉ tiêu chính năm 2022 như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.500
2	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng	155
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	36
4	Thu nhập tiền lương b/q	tr.đ/ng/th	18.740
5	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	dự kiến tối thiểu 9%

II- CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH CHÍNH

1. Lĩnh vực xuất - nhập khẩu, chế biến – kinh doanh- giao nhận than

Xuất khẩu than: Chủ động thường xuyên trao đổi với bạn hàng, giữ vững các đối tác truyền thống và tìm kiếm mở rộng thị trường mới. Phấn đấu đạt 300 nghìn tấn than xuất khẩu các loại năm 2022.

Nhập khẩu than: Mục tiêu của Công ty năm 2022 là tập trung chủ động tăng cường công tác nhập khẩu than. Cập nhật liên tục thông tin giá than trên thị trường thế giới, nhu cầu nhập than của các đơn vị trong, ngoài ngành để kịp thời thực hiện các hợp đồng nhập khẩu than. Hoàn thành kế hoạch nhập khẩu 1,5 triệu tấn than (trong đó 1,355 triệu tấn cung cấp cho các đơn vị pha trộn trong ngành và 145 nghìn tấn Công ty tự pha trộn). Tích cực tìm kiếm thêm những khách hàng, hợp đồng ngoài địa bàn, đơn vị TKV đã phân công.

Công tác pha trộn-chế biến than: Tiếp tục triển khai và tăng cường công tác quản trị đối với than pha trộn theo đúng các hướng dẫn của TKV về công tác pha trộn. Phấn đấu đạt 600 nghìn tấn than pha trộn loại 5b.10 (200 nghìn tấn) và 6a.10 (300 nghìn tấn) theo kế hoạch đầu năm, đồng thời đăng ký mở rộng thêm loại than pha trộn 5a.10 (100 nghìn tấn) để giao cho các nhà máy nhiệt điện theo hợp đồng TKV ký với khách hàng. Tìm kiếm nguồn than nhập khẩu phù hợp, nâng cao tỷ lệ sử dụng than trong nước trong pha trộn với mục tiêu giảm giá thành, đảm bảo đúng tiêu chuẩn than giao cho nhiệt điện đã ký. Cập nhật thường xuyên kế hoạch giao than pha trộn của TKV để có kế hoạch pha trộn than cung cấp cho các nhà máy điện.

Công tác kinh doanh than nội địa: Tìm kiếm những khách hàng mới, địa bàn mới để nâng cao sản lượng than kinh doanh nội địa, phấn đấu sản lượng than kinh doanh nội địa đạt 570 nghìn tấn, hoàn thành kế hoạch được giao.

Công tác giao nhận than: Thực hiện tốt công tác giao nhận than và các nghĩa vụ trong hợp đồng, hoàn thành mục tiêu 4,5 triệu tấn than giao nhận năm 2022.

2. Lĩnh vực nhập khẩu thiết bị - vật tư

Phấn đấu kinh doanh thiết bị-vật tư đạt 100% GTSX kế hoạch các đơn vị đăng ký. Tăng cường kinh doanh mua bán trong nước để tăng doanh thu, lợi nhuận. Giữ vững khách hàng, mặt hàng truyền thống đồng thời tích cực làm việc với các nhà cung cấp lớn, uy tín để khai thác thêm một số mặt hàng mới, có tính độc quyền, có giá cạnh tranh và mang lại lợi nhuận cao. Phấn đấu đưa Coalimex trở thành đại lý của khách hàng tại thị trường Việt Nam. Nghiên cứu phương án thành lập kho cung cấp vật tư thiết yếu góp phần nâng cao GTSX, đẩy mạnh giao dịch với các khách hàng tiềm năng để nhập kinh doanh, ủy thác.

Có các giải pháp phù hợp để thu hồi tiền hàng trước và đúng hạn để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và an toàn vốn.

3. Lĩnh vực xuất khẩu lao động

Làm tốt công tác chuẩn bị, đào tạo đưa lao động đi làm việc tại Nhật Bản. Chấp hành đúng các yêu cầu của đối tác, quy định của nước sở tại. Giữ quan hệ tốt với khách hàng và nắm bắt thông tin đầy đủ, kịp thời để có thể giữ vững và nâng cao số lượng lao động xuất khẩu. Khai thác hiệu quả đầu tư cải tạo tại trung tâm đào tạo Yên Viên.

4. Lĩnh vực cho thuê văn phòng

Đưa ra các giải pháp phù hợp theo từng thời điểm nhằm hỗ trợ khách hàng và giữ vững tỷ lệ cho thuê hiện có, đồng thời tìm kiếm cơ hội tăng diện tích cho thuê. Chuẩn bị các phương án khi khách thuê cũ phải giải thể do dịch Covid 19; Tích cực tiếp thị, quảng cáo để tìm kiếm khách hàng mới thay thế cho do khách hàng hết hạn hợp đồng và lấp đầy diện tích còn trống. Thực hiện bảo dưỡng, duy tu tòa nhà đúng định kỳ, tăng cường công tác quản lý kỹ thuật nhằm bảo đảm chất lượng cho thuê, tránh để xảy ra sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng đến an toàn chất lượng kinh doanh văn phòng.

5. Công tác quản lý

Xây dựng kế hoạch cụ thể hoàn thành mục tiêu kép phòng chống dịch và ổn định sản xuất kinh doanh.

Cần tăng cường quan hệ với các ngân hàng đáp ứng kịp thời vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh với chi phí vốn hợp lý.

Theo dõi chặt chẽ và phối hợp với các phòng kinh doanh đảm bảo thu hồi tiền hàng đúng hạn, không phát sinh nợ kéo dài, tăng cường công tác luân chuyển dòng tiền, đảm bảo an toàn vốn.

Kiểm soát việc xuất hóa đơn đối với các mặt hàng nhập khẩu có yêu cầu về kiểm định nhập khẩu.

Tăng cường công tác quản lý, đề cao ý thức tiết kiệm chi phí để nâng cao lợi nhuận, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu trong kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 Công ty đã ký với TKV.

Đầu tư về khoa học công nghệ, từng bước chuyển đổi số trong các lĩnh vực kỹ thuật cơ bản, quản lý tài chính, quản lý vật tư, khoán quản trị chi phí... tiến tới quản lý doanh nghiệp theo kinh tế số.

Tiếp tục soạn thảo và sửa đổi các quy định, quy chế phù hợp với mô hình hoạt động SXKD chung của Công ty và phù hợp với các quy định, quy chế của Tập đoàn.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nguyễn Thanh Hải

Mẫu 07/THQ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN – VINACOMIN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 301 /CLM-TCHC	*Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2022*

THÔNG BÁO
Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Tên Tổ chức phát hành: **Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin**

Tên giao dịch: COALIMEX

Trụ sở chính: Số 47 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 024.39422528 Fax: 024.39422350

Chúng tôi thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin.

Mã chứng khoán: CLM

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

Sàn giao dịch: HNX

Ngày đăng ký cuối cùng: 13/5/2022

1. Lý do và mục đích: Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền

2. Nội dung cụ thể:

- Tỷ lệ thực hiện: 20%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng)

- Thời gian thực hiện: Ngày 25/5/2022.

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại Phòng Kế toán tài chính Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin bắt đầu từ ngày 25/5/2022 và xuất trình Chứng minh nhân dân (hoặc Căn cước công dân, Hộ chiếu).

Đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào địa chỉ sau:

- Địa chỉ nhận Danh sách: Phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin; Số 47 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Địa chỉ email nhận file dữ liệu: tcld@coalimex.vn.

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở GDCKHN, UBCKNN;
- HĐQT, BKS (b/cáo);
- P.KTTC, KTNB;
- Lưu: VT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hải